

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **130** /QLQ-PTKD
V/v: Thông báo sửa đổi Bản cáo bạch Quỹ PVBF

Hà Nội, ngày **20** tháng **05** năm **2026**

THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI BẢN CÁO BẠCH QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital) báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) về việc sửa đổi, bổ sung Bản cáo bạch của **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU PVCOM (PVBF)** theo thông tin chi tiết như sau:

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
Mục 1 Phần I. Những người chịu trách nhiệm về nội dung bản cáo bạch này	Ông Nguyễn Việt Hà - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital)	Ông Ngô Ngọc Quang - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital)	Cập nhật thông tin về Chủ tịch HĐQT mới
Mục 1 và Mục 2 Phần II. Cơ hội đầu tư	Tình hình kinh tế Việt Nam và Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2024	Tình hình kinh tế Việt Nam và Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2025	Cập nhật tình hình kinh tế và thị trường năm 2025
Mục 1 và Mục 2 Phần IV. Thông tin chung về	- Tổng tài sản quản lý của PVCB Capital hiện lên đến hơn 5.000 tỷ đồng. - PVcomBank có tổng tài sản đạt hơn 100.000 tỷ đồng, vốn điều lệ 9.000 tỷ đồng, trong đó cổ đông	- Tổng tài sản quản lý của PVCB Capital hiện lên đến hơn 3.000 tỷ đồng. - PVcomBank có tổng tài sản đạt gần 246.000 tỷ đồng, vốn điều lệ 9.000 tỷ đồng, trong đó cổ đông lớn là Tập	Cập nhật tổng tài sản quản lý của PVCB Capital và

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
<p>Công ty quản lý quỹ</p>	<p>Lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chiếm 52%) và cổ đông chiến lược Morgan Stanley (chiếm 6.7%). Với mạng lưới 116 điểm giao dịch tại các tỉnh thành trong điểm trên toàn quốc; nguồn nhân lực chất lượng cao và bề dày kinh nghiệm trong cung cấp các dịch vụ cho các doanh nghiệp trong ngành Dầu khí, năng lượng, hạ tầng; PVcomBank cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của khách hàng tổ chức và cá nhân.</p>	<p>đoàn Dầu khí Việt Nam (chiếm 52%) và cổ đông chiến lược Morgan Stanley (chiếm 6.7%). Với mạng lưới 109 điểm giao dịch tại các tỉnh thành trọng điểm trên toàn quốc; nguồn nhân lực chất lượng cao và bề dày kinh nghiệm trong cung cấp các dịch vụ cho các doanh nghiệp trong ngành Dầu khí, năng lượng, hạ tầng; PVcomBank cung cấp các sản phẩm dịch vụ đa dạng đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của khách hàng tổ chức và cá nhân.</p>	<p>PVcomBank tính tới hiện tại.</p>
<p>Mục 3 Phần IV. Thông tin chung về Công ty quản lý quỹ</p>	<p>Đội ngũ quản lý quỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Việt Hà - Chủ tịch HĐQT: Ông Hà đã có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Trước khi đảm nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc - Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính - PVcomBank, ông là Giám đốc Ban Đầu tư và Tư vấn tài chính PVFC. Ông cũng đã từng trải qua các vị trí công tác sau: Tổng Giám đốc Indochina Capital; Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Mekong. Từ năm 2016, ông được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị PVCB Capital. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Dầu tư tài chính - Trường Đại học Miami Hoa Kỳ - Trần Quang Vinh - Giám đốc công ty: Ông Trần Quang Vinh đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính. Ông Vinh bắt đầu làm việc cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam từ năm 2001, khi phụ trách mảng tư vấn cổ phần hóa và đầu tư cho các doanh nghiệp. Từ tháng 	<p>Đội ngũ quản lý quỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngô Ngọc Quang - Chủ tịch HĐQT: Ông Quang đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Trước khi đảm nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị - PVcomBank, ông là Phó tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Tây. Ông cũng đã từng trải qua các vị trí công tác sau: Phó giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh – Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí (PVFC); Phó tổng giám đốc – Ngân hàng TMCP Phương Tây; Phó tổng giám đốc – Giám đốc Khối KHDN lớn PVcomBank. Từ tháng 01/2026, ông được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị PVCB Capital. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Tín dụng – Học viện tài chính - Trần Quang Vinh - Giám đốc công ty: Ông Trần Quang Vinh đã có hơn 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính. Ông Vinh bắt đầu làm việc cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam từ năm 2001, khi phụ trách mảng tư vấn cổ phần 	<p>Cập nhật thay đổi thông tin về Chủ tịch HĐQT của Công ty quản lý quỹ</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
<p>Phần VII. Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, mục 2 Phần XIV. Địa chỉ liên lạc giải đáp thắc mắc cho các nhà đầu tư và Phụ lục 1. Danh sách các đại lý phân phối và các điểm nhận lệnh</p>	<p>10/2018 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc PVCB Capital. Dưới sự dẫn dắt của Ông, PVCB Capital đang quản lý thành công các quỹ đầu tư và danh mục đầu tư với quy mô hơn 7.000 tỷ đồng.</p> <p>Trình độ chuyên môn:</p> <p>Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Đại học Griggs, Hoa Kỳ.</p> <p>Công ty Cổ phần Chứng khoán VINA</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102122617 chứng nhận lần đầu ngày 29/12/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 10 ngày 06/07/2023 - Giấy phép đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mớ: số 42/GCN-UBCK cấp ngày 24/08/2022 - Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Phòng 702, tầng 7, tòa nhà Capital Building, số 58 Phố Kim Mã, phường Ba Đình, Hà Nội - Điện thoại: (84-24) 6687 8966 - Website: https://www.vnsc.vn/ 	<p>hóa và đầu tư cho các doanh nghiệp. Từ tháng 10/2018 ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc PVCB Capital. Dưới sự dẫn dắt của Ông, PVCB Capital đang quản lý thành công các quỹ đầu tư và danh mục đầu tư với quy mô hơn 3.000 tỷ đồng.</p> <p>Trình độ chuyên môn:</p> <p>Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Đại học Griggs, Hoa Kỳ.</p> <p>Công ty Cổ phần Chứng khoán FINHAY</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102122617 chứng nhận lần đầu ngày 29/12/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 11 ngày 12/01/2026 - Giấy phép đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mớ: số 42/GCN-UBCK cấp ngày 24/08/2022 - Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Phòng 702, tầng 7, tòa nhà Capital Building, số 58 Phố Kim Mã, phường Ba Đình, Hà Nội - Điện thoại: (84-24) 6687 8966 - Website: https://www.vnsc.vn/ 	<p>Cập nhật tên mới của Đại lý phân phối</p>
<p>Điều 1.5 Mục 1 Phần IX. Các thông tin về quỹ đầu tư trái phiếu pvc.com</p>	<p>Ban Đại Diện Quỹ:</p> <p>Ông Kiên Phương Khoan – Thành viên độc lập Ban đại diện quỹ, Chủ tịch Ban Đại diện quỹ</p> <p>Ông Khoan hiện là Phó giám đốc tại Công ty TNHH Dịch vụ - Dầu tư và Kinh doanh địa ốc Minh Bình.</p> <p>Ông Khoan có trình độ chuyên môn về pháp luật và hiện đang phụ trách công tác Pháp chế của công ty. Ông cũng</p>	<p>Ban Đại Diện Quỹ:</p> <p>Ông Kiên Phương Khoan – Thành viên độc lập Ban đại diện quỹ, Chủ tịch Ban Đại diện quỹ</p> <p>Ông Khoan hiện là Phó giám đốc tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô.</p> <p>Ông Khoan có trình độ chuyên môn về pháp luật, tài chính kế toán và quản trị kinh doanh. Ông đã từng tham</p>	<p>Cập nhật thông tin Ban đại diện Quỹ.</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>có trình độ chuyên môn tài chính kế toán và quản trị kinh doanh. Ông đã từng tham gia hoạt động tài chính trong Ban dịch vụ tài chính – Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC). Từ tháng 6 năm 2021, ông được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ - Dầu tư và Kinh doanh địa ốc Minh Bình.</p> <p>Ông Khoan có bằng tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội và các chứng chỉ Luật áp dụng trong ngành chứng khoán; Cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Ông có bằng tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán – Hà nội và Đại học Quốc gia Hà nội – Chương trình liên kết đào tạo Thạc sỹ.</p> <p>Ông Phạm Thiên Quang – Thành viên độc lập</p> <p>Ông Quang hiện là Giám đốc khối dịch vụ quản lý tài sản Công ty Cổ phần Chứng khoán Vnirect.</p> <p>Ông Quang có gần 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư và quản lý đầu tư chứng khoán. Ông từng giữ vị trí chức Trưởng bộ phận Phân tích – Dầu tư của Công ty Cổ phần chứng khoán Quân Đội (MBS) và giám đốc Khu vực phía nam của Công ty TNHH tư vấn và đầu tư AFTC.</p> <p>Ông Quang có Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 001194 do UBCKNN cấp ngày 14/01/2015 và chứng chỉ CFA level 2.</p> <p>Ông tốt nghiệp Khoa Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại Thương và Khoa quan hệ quốc tế - Học viện Quan hệ quốc tế.</p>	<p>gia hoạt động tài chính trong Ban dịch vụ tài chính – Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC). Từ tháng 12 năm 2025, ông được bổ nhiệm làm Phó giám đốc tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô.</p> <p>Ông Khoan có bằng tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội và các chứng chỉ Luật áp dụng trong ngành chứng khoán; Cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Ông có bằng tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán – Hà nội và Đại học Quốc gia Hà nội – Chương trình liên kết đào tạo Thạc sỹ.</p> <p>Ông Phạm Thiên Quang – Thành viên độc lập</p> <p>Ông Quang hiện là Giám đốc Tư vấn quản lý gia sản Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.</p> <p>Ông Quang có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư và quản lý đầu tư chứng khoán. Ông từng giữ vị trí chức Trưởng bộ phận Phân tích – Dầu tư của Công ty Cổ phần chứng khoán Quân Đội (MBS), giám đốc Khu vực phía nam của Công ty TNHH tư vấn và đầu tư AFTC, giám đốc khối dịch vụ quản lý tài sản Công ty Cổ phần Chứng khoán Vnirect</p> <p>Ông Quang có Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 001194 do UBCKNN cấp ngày 14/01/2015 và chứng chỉ CFA level 2.</p> <p>Ông tốt nghiệp Khoa Kinh tế đối ngoại - Đại học Ngoại Thương và Khoa quan hệ quốc tế - Học viện Quan hệ quốc tế.</p>	

<p>Nội dung sửa đổi</p>	<p>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</p>	<p>Quy định trong Bản cáo bạch mới</p>	<p>Diễn giải</p>
<p>Điều 1.6 Mục 1 Phần IX. Các thông tin về quỹ đầu tư trái phiếu pvc.com</p>	<p>Người điều hành quỹ Bà Đinh Thị Kim Phượng – Trưởng Ban Phát triển kinh doanh</p> <p>Bà Phượng có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích, nghiên cứu tổng hợp và quản lý danh mục đầu tư. Từ năm 2009, Bà Phượng gia nhập đội ngũ nhân sự của PVCB Capital với vị trí Chuyên viên Ban Phát triển Kinh doanh. Tại Ban Phát triển Kinh Doanh, bà được bổ nhiệm giữ vị trí Phó phòng nghiên cứu phát triển tổng hợp. Từ tháng 01/2021 – 9/2021, bà được bổ nhiệm giữ vị trí Phó Ban Đầu tư. Từ tháng 9/2021 – 11/2024, bà được bổ nhiệm giữ vị trí Trưởng Ban Đầu tư. Từ tháng 11/2024 đến nay bà được bổ nhiệm giữ vị trí Trưởng ban Phát triển kinh doanh. Bà Phượng có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý quỹ với Nhà Đầu Tư nước ngoài như Quỹ Thành viên Tập trung Cổ phần hóa (VEFF); Quỹ Đầu tư Giá trị Nemo – Pvc.com (NPMF); Quỹ Đầu tư Tăng trưởng xanh PV – Asonng (PAGGF) và các nhà đầu tư trong nước như Quỹ Đầu tư Trái phiếu Pvc.com (PVBFF); Quỹ Đầu tư Cân bằng PVC.COM (PBIF); quản lý danh mục đầu tư với Nhà Đầu Tư nước ngoài như danh mục VIP LLC và với Nhà Đầu Tư trong nước, bao gồm cả tổ chức và cá nhân.</p> <p>Bà Phượng có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 000413/QLQ do UBCKNN cấp ngày 29/5/2024.</p>	<p>Người điều hành quỹ Ông Lê Mạnh Cường – Chuyên viên Ban đầu tư</p> <p>Ông Cường có hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích, nghiên cứu tổng hợp và quản lý danh mục các đầu tư. Từ năm 2013, Ông Cường gia nhập đội ngũ nhân sự của PVCB Capital. Từ tháng 4 năm 2023, Ông Cường tham gia công tác tại Ban Đầu tư của PVCB Capital. Ông Cường có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư ủy thác với các Nhà Đầu Tư, bao gồm cả tổ chức và cá nhân.</p> <p>Ông Cường có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 0001891/QLQ do UBCKNN cấp ngày 12/05/2020.</p> <p>Trình độ chuyên môn: Cử nhân - Đại học Kinh Tế Quốc Dân</p>	<p>Cập nhật thông tin Người điều hành Quỹ.</p>

<p>Nội dung sửa đổi</p>	<p>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</p> <p>Trình độ chuyên môn: Cử nhân - Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Trường Đại Học Kinh tế Quốc Dân/Viện Nghiên cứu xã hội quốc tế ISS, Hà Nội.</p>	<p>Quy định trong Bản cáo bạch mới</p>	<p>Diễn giải</p>
<p>Khoản 2.2.2, Điều 2.2 Mục 2, Phần IX: Các thông tin về Quỹ Đầu tư Trái phiếu PV.com</p>	<p><i>Chiến lược đầu tư</i></p> <p>Đề đảm bảo mục tiêu xuyên suốt của Quỹ là đảm bảo an toàn vốn nhưng vẫn đem lại lợi suất tốt nhất cho Nhà Đầu Tư và tăng thanh khoản cho chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ xây dựng một danh mục bao gồm các công cụ nợ đa dạng với tỷ trọng phân bổ linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhận định của công ty quản lý quỹ trong thời điểm. Các tài sản đầu tư tập trung chủ yếu vào các công cụ tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành.</p>	<p><i>Chiến lược đầu tư</i></p> <p>Đề đảm bảo mục tiêu xuyên suốt của Quỹ là đảm bảo an toàn vốn nhưng vẫn đem lại lợi suất tốt nhất cho Nhà Đầu Tư và tăng thanh khoản cho chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ xây dựng một danh mục bao gồm các công cụ nợ đa dạng với tỷ trọng phân bổ linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhận định của công ty quản lý quỹ trong thời điểm. Các tài sản đầu tư tập trung chủ yếu vào các công cụ tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần</p>	<p>Cập nhật về đầu tư trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.</p>

<p>Nội dung sửa đổi</p>	<p>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</p> <p>Khi điều kiện thị trường không thuận lợi, để đảm bảo an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư Quý có thể đầu tư tới 100% giá trị tài sản ròng của Quý vào tiền gửi có kỳ hạn, tài sản tương đương tiền và các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.</p> <p>Khi thị trường cổ phiếu thuận lợi, Quý có thể đầu tư một phần của giá tài sản ròng của quý vào cổ phiếu niêm yết có vốn hóa lớn trên thị trường nhằm tìm kiếm lợi suất cao hơn cho Nhà Đầu Tư, nhưng vẫn phải đảm bảo các hạn chế của luật chứng khoán liên quan và an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư.</p>	<p>Quy định trong Bản cáo bạch mới</p> <p>nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quý thực hiện đầu tư.</p> <p>Khi điều kiện thị trường không thuận lợi, để đảm bảo an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư Quý có thể đầu tư tới 100% giá trị tài sản ròng của Quý vào tiền gửi có kỳ hạn, tài sản tương đương tiền và các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.</p> <p>Khi thị trường cổ phiếu thuận lợi, Quý có thể đầu tư một phần của giá tài sản ròng của quý vào cổ phiếu niêm yết có vốn hóa lớn trên thị trường nhằm tìm kiếm lợi suất cao hơn cho Nhà Đầu Tư, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch nhưng vẫn phải đảm bảo các hạn chế của luật chứng khoán liên quan và an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư.</p>	<p>Diễn giải</p>
<p>Khoản 2.2.3, Điều 2.2 Mục 2, Phần IX: Các thông tin về Quý Đầu tư Trái phiếu PVcom</p>	<p><i>Danh mục đầu tư của Quý</i></p> <p>Quý Đầu tư Trái phiếu PVcom sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; 	<p><i>Danh mục đầu tư của Quý</i></p> <p>Quý Đầu tư Trái phiếu PVcom sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng 	<p>Cập nhật thêm danh mục đầu tư của quý theo quy định tại Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đang ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chúng chi quỹ đại chúng;</p> <p>e. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tới thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; - Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành. <p>g. Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.</p>	<p>khoản, chúng chi quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;</p> <p>d. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đang ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tới thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXXIX ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư; Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXXIX</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
		<p>ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.</p> <p>Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống;</p> <p>e. Chứng khoán phát sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;</p> <p>g. Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ;</p> <p>h. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.</p> <p>Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản 2.2.3 nêu trên phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 và các văn bản sửa đổi bổ sung khác tại từng thời điểm (nếu có).</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
<p>Khoản 2.2.4. Điều 2.2 Mục 2, Phần IX: Các thông tin về Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom</p>	<p><i>Các hạn chế đầu tư của Quỹ</i></p> <p>Danh sách tài khoản của từng DLPP của Quỹ PVBF như sau:</p> <p>Danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Khoản 2.2.1 và Khoản 2.2.2, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này.</p> <p>Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành quy định tại điểm a, b, Khoản 2.2.3, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này trừ công cụ nợ của Chính phủ; b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ; c. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e Khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ; công ty con; các công 	<p><i>Các hạn chế đầu tư của Quỹ</i></p> <p>Danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Khoản 2.2.1 và Khoản 2.2.2, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này.</p> <p>Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b Khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ; b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ; c. Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ, e và h Khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ; công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam 	<p>Cập nhật các hạn chế đầu tư của quỹ theo quy định tại Thông 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.</p> <p>d. Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e, Khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này;</p> <p>e. Tại mọi thời điểm, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;</p> <p>f. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu Tư Trái phiếu Pvcam;</p> <p>g. Chi được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; • Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; 	<p>Kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền.</p> <p>d. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm đ Khoản 2.2.3 Mục này, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm đ Khoản 2.2.3 Mục này hoặc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm đ Khoản 2.2.3 Mục này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm đ Khoản 2.2.3 Mục này hoặc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;</p> <p>e. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<ul style="list-style-type: none"> • Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; h. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm; i. Ít nhất 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được đầu tư vào tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá các các công cụ có thu nhập cố định khác. j. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a và b khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này mà được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản. k. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e, khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch phải đáp ứng điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; ▪ Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch. 	<ul style="list-style-type: none"> f. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu Tư Trái phiếu PVcom; g. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau: <ul style="list-style-type: none"> • Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; • Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; • Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng h. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm; i. Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm; j. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a và b khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này mà được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh 	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, h Khoản 2.2.4, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch này, cơ cấu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom được phép sai lệch so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ; b. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư ; c. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành; d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; e. Quỹ đang trong thời gian giải thể. <p>Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định tại Khoản 2.2.4 mục này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.</p> <p>Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh</p>	<p>sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.</p> <ol style="list-style-type: none"> k. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm đ, khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch phải đáp ứng điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> - Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch; - Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; - Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành; - Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát; 	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.</p>	<p>- Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.</p> <p>Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.</p> <p>1. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e, khoản 2.2.3, Mục 2.2, Điều 2, Chương IX của Bản cáo bạch phải đáp ứng điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quỹ đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phải sinh; 	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
<p>Mục 1 Phần X. Phát hành lần đầu và giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo</p>	<p>Căn cứ pháp lý</p> <p>Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản hợp nhất Luật Chứng Khoán số 24/VPHN-VPQH do Văn phòng Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/02/2025 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”); - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; 	<p>Căn cứ pháp lý</p> <p>Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản hợp nhất Luật Chứng Khoán số 24/VPHN-VPQH do Văn phòng Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/02/2025 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”); - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được sửa đổi 	<p>Cập nhật bổ sung thêm căn cứ pháp lý mới.</p>
		<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ. - Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.”. 	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; - Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; - Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; - Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ; - Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở; - Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh; - Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức 	<ul style="list-style-type: none"> - bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025; - Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025; - Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025; - Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; - Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/4/2025; - Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ; - Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở; 	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam - Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; - Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam; - Thông tư 25/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán; <p>Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025;; - Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025; - Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 20/2025/TT-BTC ngày 05/5/2025; - Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; - Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán; <p>Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.</p>	

<p>Nội dung sửa đổi</p>	<p>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</p>	<p>Quy định trong Bản cáo bạch mới</p>	<p>Diễn giải</p>																																										
<p>Điều 3.1 và 3.2 Mục 3, Phần X: Phát hành lần đầu và giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo</p>	<p>3.1. Các quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ <i>c. Thời Điểm Đóng Số Lệnh</i> Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Các lệnh giao dịch nhận được sau thời điểm đóng số lệnh sẽ bị hủy. <i>i. Thông tin tài khoản nhận tiền mua chứng chỉ quỹ PVBF</i></p> <table border="1" data-bbox="159 476 885 1111"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Tên Đại lý Phân phối</th> <th>Số tài khoản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt</td> <td>1222.051.400</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí</td> <td>1222.051.419</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</td> <td>1222.119.265</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội</td> <td>1222.119.256</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Công ty Cổ phần FINCORP</td> <td>1222.290.230</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng khoán VINA</td> <td>8630.038.997</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	1	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt	1222.051.400	2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	1222.051.419	3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222.119.265	4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	1222.119.256	5	Công ty Cổ phần FINCORP	1222.290.230	6	Công ty Cổ phần Chứng khoán VINA	8630.038.997	<p>3.1. Các quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ <i>c. Thời Điểm Đóng Số Lệnh</i> Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Các lệnh giao dịch nhận được sau thời điểm đóng số lệnh sẽ được chuyển sang phiên giao dịch kế tiếp. <i>i. Thông tin tài khoản nhận tiền mua chứng chỉ quỹ PVBF</i></p> <table border="1" data-bbox="159 1224 885 1859"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Tên Đại lý Phân phối</th> <th>Số tài khoản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt</td> <td>1222.051.400</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí</td> <td>1222.051.419</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</td> <td>1222.119.265</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội</td> <td>1222.119.256</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Công ty Cổ phần FINCORP</td> <td>1222.290.230</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng khoán FINHAY</td> <td>8630.038.997</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	1	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt	1222.051.400	2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	1222.051.419	3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222.119.265	4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	1222.119.256	5	Công ty Cổ phần FINCORP	1222.290.230	6	Công ty Cổ phần Chứng khoán FINHAY	8630.038.997	<p>Sửa đổi thời điểm đóng số lệnh với các lệnh giao dịch nhận được sau thời điểm đóng số lệnh. Cập nhật tên và số tài khoản các Đại lý phân phối.</p>
TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản																																											
1	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt	1222.051.400																																											
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	1222.051.419																																											
3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222.119.265																																											
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	1222.119.256																																											
5	Công ty Cổ phần FINCORP	1222.290.230																																											
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán VINA	8630.038.997																																											
TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản																																											
1	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt	1222.051.400																																											
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	1222.051.419																																											
3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222.119.265																																											
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	1222.119.256																																											
5	Công ty Cổ phần FINCORP	1222.290.230																																											
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán FINHAY	8630.038.997																																											

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ		Quy định trong Bản cáo bạch mới		Diễn giải				
	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1220 442 1396 873">7 Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)</td> <td data-bbox="1220 873 1396 1077"></td> </tr> </table>	7 Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)		<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1220 1190 1396 1621">7 Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)</td> <td data-bbox="1220 1621 1396 1825">8610.073.771</td> </tr> </table>	7 Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)	8610.073.771	<p>3.2. Giao dịch mua chứng chỉ quỹ</p> <p>Nhà Đầu Tư mua đơn vị quỹ cần điền đầy đủ vào phiếu lệnh mua được đính kèm theo Đơn đăng ký mở tài khoản nếu giao dịch lần đầu hoặc đã có sẵn tại các Điểm nhận lệnh khi mua các lần tiếp theo. Phiếu Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ phải được nộp trước Thời điểm Đóng số lệnh tại ngày T-1 trước Ngày Giao Dịch. Các lệnh giao dịch nhận được sau thời điểm đóng số lệnh sẽ bị hủy.</p> <p>Trong trường hợp lệnh mua không hợp lệ, tiền thanh toán chứng chỉ quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ chi thị chuyển trả vào tài khoản đăng ký của Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch gần nhất trừ trường hợp số tiền này được đầu tư vào kỳ giao dịch tiếp theo của Quỹ và được Công Ty Quản Lý Quỹ xác nhận giữ lại tiền. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển vào Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chi thị chuyển trả Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định được chính xác thông tin người thụ hưởng. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.</p>	<p>3.2. Giao dịch mua chứng chỉ quỹ</p> <p>Nhà Đầu Tư mua đơn vị quỹ cần điền đầy đủ vào phiếu lệnh mua được đính kèm theo Đơn đăng ký mở tài khoản nếu giao dịch lần đầu hoặc đã có sẵn tại các Điểm nhận lệnh khi mua các lần tiếp theo. Phiếu Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ phải được nộp trước Thời điểm Đóng số lệnh tại ngày T-1 trước Ngày Giao Dịch. Các lệnh giao dịch nhận được sau thời điểm đóng số lệnh sẽ được chuyển sang phiên giao dịch kế tiếp.</p> <p>Trong trường hợp lệnh mua không hợp lệ, số tiền thanh toán chứng chỉ quỹ sẽ được Công ty Quản lý Quỹ chuyển trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà Đầu Tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ có đủ bằng chứng để xác định và thông báo lệnh mua không hợp lệ, trừ trường hợp Nhà Đầu Tư có yêu cầu khác bằng văn bản hoặc theo thỏa thuận với Công ty Quản lý Quỹ phù hợp với quy định của Quỹ.</p>	
7 Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)									
7 Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)	8610.073.771								

<p>Nội dung sửa đổi</p>	<p>Quy định trong Bản cáo bạch cũ</p>	<p>Quy định trong Bản cáo bạch mới</p>	<p>Diễn giải</p>
<p>Điều 3.6 Mục 3, Phần X: Phát hành lần đầu và giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo</p>	<p>Thực hiện một phần giao dịch, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ</p> <p>a. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc - Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư dẫn tới Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc - Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do: <ul style="list-style-type: none"> o Tính thanh khoản của thị trường thấp; o Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán. <p>b. Đối với việc thực hiện một phần lệnh giao dịch theo quy định ở điểm a Khoản 3.6 trên đây, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ như sau:</p>	<p>Thực hiện một phần giao dịch, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, mức phòng vệ thanh khoản</p> <p>a. Trường hợp Điều lệ quỹ có quy định, công ty quản lý quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ mở bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản</p> <p>b. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc - Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư dẫn tới Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc - Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do: <ul style="list-style-type: none"> o Tính thanh khoản của thị trường thấp; o Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán. 	<p>Bổ sung thêm thông tin về mức phòng vệ thanh khoản theo quy định mới tại Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>- Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều này. Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại từ Nhà Đầu Tư trong trường hợp này được tính theo công thức sau:</p> $X_i = \frac{SLTT}{\sum SLDK_i} * SLDK_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: số lượng Chứng chỉ Quỹ thực tế của Nhà Đầu Tư i được thực hiện (hay số lượng Chứng chỉ Quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.</p> <p>$SLDK_i$: số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đăng ký bán</p> <p>$SLTT$: tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của Nhà Đầu Tư</p> <p>$\sum SLDK_i$: tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký bán.</p>	<p>c. Đối với việc thực hiện một phần lệnh giao dịch theo quy định ở điểm b Khoản 3.6 trên đây, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ như sau:</p> <p>- Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều này. Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại từ Nhà Đầu Tư trong trường hợp này được tính theo công thức sau:</p> $X_i = \frac{SLTT}{\sum SLDK_i} * SLDK_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: số lượng Chứng chỉ Quỹ thực tế của Nhà Đầu Tư i được thực hiện (hay số lượng Chứng chỉ Quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.</p> <p>$SLDK_i$: số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đăng ký bán</p> <p>$SLTT$: tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Công Ty Quản Lý Quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của Nhà Đầu Tư</p> <p>$\sum SLDK_i$: tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký bán.</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<ul style="list-style-type: none"> - Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ được ưu tiên thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trước các lệnh đặt bán hoặc chuyển đổi mới. - Các thông báo về phân lệnh được thực hiện hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư. c. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; - Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ; - Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết. d. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm c Khoản 3.6 này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt. e. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ được ưu tiên thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trước các lệnh đặt bán hoặc chuyển đổi mới. - Các thông báo về phân lệnh được thực hiện hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư. d. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; - Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ; - Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết. e. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm d Khoản 3.6 này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt. f. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ. 	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>f. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại điểm e Khoản 3.6 này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư.</p>	<p>g. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại điểm f Khoản 3.6 này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư.</p> <p>h. Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau:</p> <p>- Công ty quản lý quỹ phải xây dựng chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho từng quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với nhà đầu tư, các trường hợp dùng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
		<p>thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của quỹ.</p> <p>- Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa phải được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối.</p> <p>- Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là 01 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ và thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Nội dung công bố thông tin, thông báo bao gồm nguyên nhân áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, thời điểm áp dụng, mức phòng vệ thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho nhà đầu tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.</p> <p>- Công ty quản lý quỹ phải dùng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ, thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dùng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của quỹ chấm dứt.</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
<p>Điều 2.1 Mục 2, Phần XI: Tình hình hoạt động của quý</p>	<p><i>a. Giá dịch vụ phát hành</i></p> <p>Giá dịch vụ phát hành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh mua. Tùy thuộc vào giá trị mua của từng Lệnh mua, hình thức mua, Giá dịch vụ phát hành được tính như sau:</p> <p>Giá dịch vụ phát hành: 0%</p> <p>Giá dịch vụ phát hành các lần tiếp theo có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ nhưng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>Giá dịch vụ phát hành sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p><i>b. Giá dịch vụ mua lại</i></p> <p>Giá dịch vụ mua lại là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi bán một Đơn vị Quỹ tại mỗi kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom được thành lập. Giá dịch vụ này được trừ</p>	<p>- Đại Lý phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của công ty quản lý quỹ.”</p> <p><i>a. Giá dịch vụ phát hành</i></p> <p>Giá dịch vụ phát hành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh mua. Tùy thuộc vào giá trị mua của từng Lệnh mua, hình thức mua, Giá dịch vụ phát hành được tính như sau:</p> <p>Giá dịch vụ phát hành: 0%</p> <p>Giá dịch vụ phát hành các lần tiếp theo có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>Giá dịch vụ phát hành sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p><i>b. Giá dịch vụ mua lại</i></p> <p>Giá dịch vụ mua lại là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi bán một Đơn vị Quỹ tại mỗi kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom được thành lập. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch và được khấu trừ ngay khi quý thanh</p>	<p>Cập nhật thời điểm áp dụng giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, chuyển đổi theo quy định mới. Bỏ quy định mức giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ và phí phát khi rời khỏi chương trình tối đa.</p> <p>Đồng thời bổ sung quy định: Công Ty Quản Lý Quỹ có thể xem xét việc hoàn/miễn Giá dịch vụ mua lại cho Nhà Đầu</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải																				
	<p>đi từ giá trị giao dịch và được khấu trừ ngay khi quý thanh toán cho Nhà Đầu Tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.</p> <table border="1" data-bbox="837 510 1241 1084"> <thead> <tr> <th>Thời gian nắm giữ chứng chỉ Quỹ</th> <th>Giá dịch vụ mua lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Dưới 6 tháng</td> <td>0,5%</td> </tr> <tr> <td>Từ 6 tháng đến dưới 9 tháng</td> <td>0,3%</td> </tr> <tr> <td>Từ 9 tháng đến dưới 12 tháng</td> <td>0,15%</td> </tr> <tr> <td>Từ 12 tháng trở lên</td> <td>0%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Giá dịch vụ mua lại có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị bán thực hiện được. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là chín mươi ngày (90) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ được xác định theo nguyên tắc “mua trước bán trước”.</p> <p>Giá dịch vụ mua lại sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p>c. <i>Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý</i></p>	Thời gian nắm giữ chứng chỉ Quỹ	Giá dịch vụ mua lại	Dưới 6 tháng	0,5%	Từ 6 tháng đến dưới 9 tháng	0,3%	Từ 9 tháng đến dưới 12 tháng	0,15%	Từ 12 tháng trở lên	0%	<p>toán cho Nhà Đầu Tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.</p> <table border="1" data-bbox="810 1292 1284 1809"> <thead> <tr> <th>Thời gian nắm giữ chứng chỉ Quỹ</th> <th>Giá dịch vụ mua lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Dưới 6 tháng</td> <td>0,5%</td> </tr> <tr> <td>Từ 6 tháng đến dưới 9 tháng</td> <td>0,3%</td> </tr> <tr> <td>Từ 9 tháng đến dưới 12 tháng</td> <td>0,15%</td> </tr> <tr> <td>Từ 12 tháng trở lên</td> <td>0%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Giá dịch vụ mua lại có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là ba mươi ngày (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ được xác định theo nguyên tắc “mua trước bán trước”.</p> <p>Giá dịch vụ mua lại sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể xem xét việc hoàn/miễn Giá dịch vụ mua lại cho Nhà Đầu Tư tùy theo chương trình, chính sách tại từng thời điểm cụ thể.</p>	Thời gian nắm giữ chứng chỉ Quỹ	Giá dịch vụ mua lại	Dưới 6 tháng	0,5%	Từ 6 tháng đến dưới 9 tháng	0,3%	Từ 9 tháng đến dưới 12 tháng	0,15%	Từ 12 tháng trở lên	0%	<p>Tur tùy theo chương trình, chính sách tại từng thời điểm cụ thể</p> <p>Đòng thời bổ sung quy định: Công Ty Quản Lý Quỹ có thể xem xét việc hoàn/miễn Giá dịch vụ mua lại cho Nhà Đầu Tư tùy theo chương trình, chính sách tại từng thời điểm cụ thể.</p>
Thời gian nắm giữ chứng chỉ Quỹ	Giá dịch vụ mua lại																						
Dưới 6 tháng	0,5%																						
Từ 6 tháng đến dưới 9 tháng	0,3%																						
Từ 9 tháng đến dưới 12 tháng	0,15%																						
Từ 12 tháng trở lên	0%																						
Thời gian nắm giữ chứng chỉ Quỹ	Giá dịch vụ mua lại																						
Dưới 6 tháng	0,5%																						
Từ 6 tháng đến dưới 9 tháng	0,3%																						
Từ 9 tháng đến dưới 12 tháng	0,15%																						
Từ 12 tháng trở lên	0%																						

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>Nhà Đầu Tư phải trả Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch sau khi Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom được thành lập.</p> <p>Nhà Đầu Tư không phải trả Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Do vậy, Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ được áp dụng một lần trên giá trị chuyển đổi.</p> <p>- Giá dịch vụ chuyển đổi là 200.000 VND/giao dịch</p> <p>Giá dịch vụ chuyển đổi có thể thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị chuyển đổi thực hiện được.</p> <p>Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>Các khoản thuế giao dịch, giá dịch vụ chuyển tiền ngân hàng (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh bán trong Lệnh Chuyển đổi. Thời gian nắm giữ Đơn vị Quỹ của quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh Chuyển đổi quỹ được thực hiện.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển đổi sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p>	<p>c. <i>Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý</i></p> <p>Nhà Đầu Tư phải trả Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch sau khi Quỹ Đầu tư Trái phiếu PVcom được thành lập.</p> <p>Nhà Đầu Tư không phải trả Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Do vậy, Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ được áp dụng một lần trên giá trị chuyển đổi.</p> <p>- Giá dịch vụ chuyển đổi là 200.000 VND/giao dịch</p> <p>Giá dịch vụ chuyển đổi có thể thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ.</p> <p>Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>Các khoản thuế giao dịch, giá dịch vụ chuyển tiền ngân hàng (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh bán trong Lệnh Chuyển đổi. Thời gian nắm giữ Đơn vị Quỹ của quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh Chuyển đổi quỹ được thực hiện.</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p><i>d. Giá dịch vụ chuyển nhượng</i></p> <p>Nhà Đầu Tư phải trả một mức Giá dịch vụ chuyển nhượng duy nhất là ba trăm nghìn (300.000) đồng cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Chứng Chi Quỹ. Giá dịch vụ chuyển nhượng do bên chuyển nhượng thanh toán.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển nhượng sẽ không áp dụng trong trường hợp Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển nhượng số Chứng Chi Quỹ từ tài khoản này sang tài khoản khác cùng đứng tên Nhà Đầu Tư tại Đại Lý Phân Phối khác nhau.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển nhượng sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p><i>e. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia Chương trình đầu tư định kỳ</i></p> <p>Là số tiền dịch vụ áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua các đơn vị quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ.</p> <p>Giá dịch vụ phát hành khi chương trình đầu tư định kỳ: 0%</p> <p>Phí phạt khi rời chương trình: 0% ngoài giá dịch vụ mua lại và giá dịch vụ chuyển đổi thông thường.</p> <p>Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ và phí phạt khi rời khỏi chương trình có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không</p>	<p>Giá dịch vụ chuyển đổi sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p><i>d. Giá dịch vụ chuyển nhượng</i></p> <p>Nhà Đầu Tư phải trả một mức Giá dịch vụ chuyển nhượng duy nhất là ba trăm nghìn (300.000) đồng cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Chứng Chi Quỹ. Giá dịch vụ chuyển nhượng do bên chuyển nhượng thanh toán.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển nhượng sẽ không áp dụng trong trường hợp Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển nhượng số Chứng Chi Quỹ từ tài khoản này sang tài khoản khác cùng đứng tên Nhà Đầu Tư tại Đại Lý Phân Phối khác nhau.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển nhượng sẽ được hạch toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> <p><i>e. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia Chương trình đầu tư định kỳ</i></p> <p>Là số tiền dịch vụ áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua các đơn vị quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ.</p> <p>Giá dịch vụ phát hành khi chương trình đầu tư định kỳ: 0%</p> <p>Phí phạt khi rời chương trình: 0% ngoài giá dịch vụ mua lại và giá dịch vụ chuyển đổi thông thường.</p>	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải																																				
<p>Điều 2.1 Mục 2 Phụ Lục 2. Quy trình và hướng dẫn giao dịch</p>	<p>vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch khi tham gia chương trình và ba phần trăm (3%) giá trị bán thực hiện khi rời khỏi chương trình.</p>	<p>Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ và phí phạt khi rời khỏi chương trình có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ.</p>	<p>Sửa đổi nội dung đối với tên và số tài khoản của DLP.</p>																																				
<p>Nhà đầu tư đặt mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý Phân phối nào thì điền số tài khoản của Đại lý phân phối đó. Danh sách tài khoản của từng DLP của Quỹ PVBF như sau:</p>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Tên Đại lý Phân phối</th> <th>Số tài khoản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt</td> <td>1222.051.400</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí</td> <td>1222.051.419</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</td> <td>1222.119.265</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội</td> <td>1222.119.256</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Công ty Cổ phần FINCORP</td> <td>1222.290.230</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	1222.051.400	2	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí	1222.051.419	3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222.119.265	4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	1222.119.256	5	Công ty Cổ phần FINCORP	1222.290.230	<p>Nhà đầu tư đặt mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý Phân phối nào thì điền số tài khoản của Đại lý phân phối đó. Danh sách tài khoản của từng DLP của Quỹ PVBF như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Tên Đại lý Phân phối</th> <th>Số tài khoản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt</td> <td>1222.051.400</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí</td> <td>1222.051.419</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</td> <td>1222.119.265</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội</td> <td>1222.119.256</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Công ty Cổ phần FINCORP</td> <td>1222.290.230</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản	1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	1222.051.400	2	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí	1222.051.419	3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222.119.265	4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	1222.119.256	5	Công ty Cổ phần FINCORP	1222.290.230	<p>Sửa đổi nội dung đối với tên và số tài khoản của DLP.</p>
TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản																																					
1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	1222.051.400																																					
2	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí	1222.051.419																																					
3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222.119.265																																					
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	1222.119.256																																					
5	Công ty Cổ phần FINCORP	1222.290.230																																					
TT	Tên Đại lý Phân phối	Số tài khoản																																					
1	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Bảo Việt	1222.051.400																																					
2	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Dầu khí	1222.051.419																																					
3	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1222.119.265																																					
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	1222.119.256																																					
5	Công ty Cổ phần FINCORP	1222.290.230																																					

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải																																				
	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1286 471 1385 886">6</td> <td data-bbox="1286 886 1385 1113">Công ty Cổ phần Chứng khoán VINA</td> <td data-bbox="1286 1113 1385 1170">8630.038.997</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1090 471 1286 886">7</td> <td data-bbox="1090 886 1286 1113">Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)</td> <td data-bbox="1090 1113 1286 1170"></td> </tr> </table>	6	Công ty Cổ phần Chứng khoán VINA	8630.038.997	7	Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)		<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1235 1242 1385 1657">6</td> <td data-bbox="1235 1657 1385 1891">Công ty Cổ phần Chứng khoán FINHAY</td> <td data-bbox="1235 1891 1385 2190">8630.038.997</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1038 1242 1235 1657">7</td> <td data-bbox="1038 1657 1235 1891">Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)</td> <td data-bbox="1038 1891 1235 2190">8610.073.771</td> </tr> </table>	6	Công ty Cổ phần Chứng khoán FINHAY	8630.038.997	7	Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)	8610.073.771																									
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán VINA	8630.038.997																																					
7	Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)																																						
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán FINHAY	8630.038.997																																					
7	Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Digifinance (DIGIFINANCE)	8610.073.771																																					
<p>Mục 4 A Phụ lục 3 : phương pháp xác định giá trị tài sản ròng</p>	<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="842 449 943 728">ST T</th> <th data-bbox="842 728 943 1061">Loại tài sản</th> <th data-bbox="842 1061 943 1170">Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3" data-bbox="746 449 842 1170">Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</td> </tr> <tr> <td data-bbox="644 449 746 728">1</td> <td data-bbox="644 728 746 1061">Tiền (VNĐ)</td> <td data-bbox="644 1061 746 1170">Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày định giá</td> </tr> <tr> <td data-bbox="416 449 644 728">2</td> <td data-bbox="416 728 644 1061">Ngoại tệ</td> <td data-bbox="416 1061 644 1170">Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="272 449 416 728">3</td> <td data-bbox="272 728 416 1061">Tiền gửi không kỳ hạn</td> <td data-bbox="272 1061 416 1170">Toàn bộ số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá</td> </tr> <tr> <td data-bbox="126 449 272 728">4</td> <td data-bbox="126 728 272 1061">Tiền gửi kỳ hạn</td> <td data-bbox="126 1061 272 1170">Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá</td> </tr> </tbody> </table>	ST T	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			1	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày định giá	2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.	3	Tiền gửi không kỳ hạn	Toàn bộ số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá	4	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá	<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="842 1192 943 1476">TT</th> <th data-bbox="842 1476 943 1657">Loại Tài Sản</th> <th data-bbox="842 1657 943 1891">Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3" data-bbox="746 1192 842 1891">Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</td> </tr> <tr> <td data-bbox="624 1192 746 1476">1</td> <td data-bbox="624 1476 746 1657">Tiền (VNĐ)</td> <td data-bbox="624 1657 746 1891">Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="443 1192 624 1476">2</td> <td data-bbox="443 1476 624 1657">Ngoại tệ</td> <td data-bbox="443 1657 624 1891">Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="304 1192 443 1476">3</td> <td data-bbox="304 1476 443 1657">Tiền gửi kỳ hạn</td> <td data-bbox="304 1657 443 1891">Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.</td> </tr> <tr> <td data-bbox="126 1192 304 1476">4</td> <td data-bbox="126 1476 304 1657">Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển</td> <td data-bbox="126 1657 304 1891">Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Loại Tài Sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			1	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.	2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.	3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.	4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.	<p>Cập nhật phương pháp định giá theo sổ tay định giá mới nhất của quỹ phù hợp với Thông tư 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025.</p>
ST T	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường																																					
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ																																							
1	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày định giá																																					
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.																																					
3	Tiền gửi không kỳ hạn	Toàn bộ số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá																																					
4	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá																																					
TT	Loại Tài Sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường																																					
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ																																							
1	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.																																					
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.																																					
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.																																					
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.																																					

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
<p>5 Tin phiếu kho bạc, hối phiếu Ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu</p>	<p>- Đối với công cụ thị trường tiền tệ niêm yết:</p> <p>+ Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán HSX, HNX tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.</p> <p>+ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giá mua công lai lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá; • Theo phương pháp do Ban đại diện quỹ quyết định. <p>- Đối với công cụ thị trường tiền tệ chưa niêm yết, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:</p> <p>+ Giá mua công với lai lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá;</p> <p>+ Theo phương pháp do Ban đại diện quỹ quyết định.</p>	<p>nhuợng và các công cụ thị trường tiền tệ khác</p> <p>5 Các công cụ không trả lãi bao gồm tin phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác</p> <p>5 Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung đầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.</p>	
<p>Trái phiếu</p>	<p>6 Trái phiếu niên yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, Trái phiếu hủy niên yết</p>	<p>Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá công lai lũy kế;</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có biến động bất thường (*), thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mệnh giá công lai lũy kế; hoặc 	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ		Quy định trong Bản cáo bạch mới		Diễn giải		
	6	Trái phiếu niêm yết	<p>- Trái phiếu niêm yết - Giá thị trường là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá công lai lũy kế, nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế.</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua công lai lũy kế; hoặc + Mệnh giá công lai lũy kế; hoặc + Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận <p><u>Ghi chú:</u></p> <p>(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá</p>		Trái phiếu không niêm	<ul style="list-style-type: none"> • Giá mua công lai lũy kế; hoặc • Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận <p>Ghi chú:</p> <p>(*) Giá thị trường có biến động bất thường được hiểu là giá trái phiếu của kỳ định giá có biến động tăng/giảm từ 3% trở lên ($\geq 3\%$) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất.</p> <p>- Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu:</p> <p>Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu doanh nghiệp niêm yết như trên.</p> <p>Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.</p> <p>Giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá công lai lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; 	
	7				Trái phiếu không niêm	<p>Giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá công lai lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; 	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ		Quy định trong Bản cáo bạch mới		Diễn giải	
	7	<p>Trái phiếu không niêm yết</p> <p>- Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá công lai suất coupon phiếu tính tới ngày trước ngày định giá;</p> <p>- Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua công lai lũy kế; + Mệnh giá công lai lũy kế. + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận <p><i>Ghi chú:</i></p>	8	<p>Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức công chúng của tổ chức niêm yết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mệnh giá công lai lũy kế; - Giá mua công lai lũy kế; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. <p>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến</p>	
			Cổ phiếu			
			9	<p>Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ</p>		

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
	<p>(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.</p> <p>- Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu không niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.</p>	<p>của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch</p> <p>ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. 	
	<p>8 Trái phiếu huy niêm yết</p> <p>Đối với trái phiếu chờ đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện để niêm yết thì Giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p>	<p>10 Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch</p> <p>Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mệnh giá; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. 	
	<p>Cổ phiếu</p> <p>9 Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh,</p> <p>- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày</p>	<p>11 Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán</p> <p>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; 	

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ		Quy định trong Bản cáo bạch mới		Diễn giải		
	<p>Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, và có phiếu của Công ty đại chúng đang ký giao dịch trên hệ thống Upcom</p>	<p>tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận 		10	<p>Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch</p>	<p>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba (03) tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá</p> <p>- Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ các báo giá (nếu có từ hai tổ chức báo giá cung cấp); + Nếu không có đủ hai báo giá: Giá đã được xác định từ kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến Ngày định giá; <ul style="list-style-type: none"> • Giá mua; 	
		<p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>		12	<p>Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản</p>	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. 	
		<p>+ Giá mua/gia trị vốn góp;</p> <p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>		13	<p>Cổ phần, phần vốn góp khác</p>	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p>	
					<p>Chứng chỉ quỹ</p>		

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ		Quy định trong Bản cáo bạch mới		Diễn giải
		<ul style="list-style-type: none"> • Giá theo phương pháp giá trị sổ sách. • Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận 	<p>14 Chứng chi quỹ đại chúng niêm yết</p> <p>- Giá đóng của hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chi quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>		
	11	<p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch</p>	<p>Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:</p> <p>+ Giá đóng cửa gần nhất (nhưng không quá 03 tháng) tính đến Ngày định giá</p> <p>+ Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất (nhưng không quá 06 tháng) tính đến Ngày định giá;</p> <p>+ Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>		
	12	<p>Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản</p>	<p>Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <p>+ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá</p> <p>+ Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận</p>	<p>15 Chứng chi quỹ đại chúng niêm yết</p> <p>Giá trị tài sản ròng trên một chứng chi quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.</p>	
			<p>16 Chứng chi quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở</p> <p>Là một trong các mức giá sau:</p> <p>- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chi quỹ được công bố</p>		

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ		Quy định trong Bản cáo bạch mới		Diễn giải	
13	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua/giá trị vốn góp; + Giá trị sổ sách; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận	giao dịch chứng khoán	thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.		
14	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – giá phát hành quyền mua) x tỷ lệ chuyển đổi} Giá cổ phiếu được xác định như các tiêu chí của mục 8,9,10,11,12 ở trên.	Chứng khoán phái sinh			
15	Các tài sản khác Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.		17	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đảo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.



Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới	Diễn giải
		<p>18 Chứng khoán phải sinh niên yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá</p>	
		<p>Chứng quyền có bảo đảm</p> <p>19 Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán</p>	
		<p>- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. 	
		<p>Các tài sản khác</p> <p>20 Quyền mua cổ phiếu</p>	<p>Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và</p>

Nội dung sửa đổi	Quy định trong Bản cáo bạch cũ	Quy định trong Bản cáo bạch mới		Diễn giải
			<p>giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.</p>	
		21	<p>Bất động sản</p> <p>Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất.</p>	
		22	<p>Các tài sản được phép đầu tư khác</p> <p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.</p>	

Ngày bắt đầu có hiệu lực: **07/04/2026** (15 ngày kể từ ngày nộp Bản cáo bạch cập nhật, sửa đổi này cho UBCKNN và không nhận được ý kiến phản đối bằng văn bản).

Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản cáo bạch sửa đổi;
- Bản cáo bạch tóm tắt sửa đổi;
- Hồ sơ Người điều hành quỹ mới.

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ

Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam

Giám đốc



Trần Quang Vinh



Đang chờ duyệt bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chờ duyệt

Đang chờ duyệt bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chờ duyệt bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đang chờ duyệt bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số thứ tự	Tên đề tài/nội dung	Số giờ	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	[Faint text]	[Faint text]	[Faint text]	[Faint text]
2	[Faint text]	[Faint text]	[Faint text]	[Faint text]
3	[Faint text]	[Faint text]	[Faint text]	[Faint text]